

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 03/2026/ANPHU

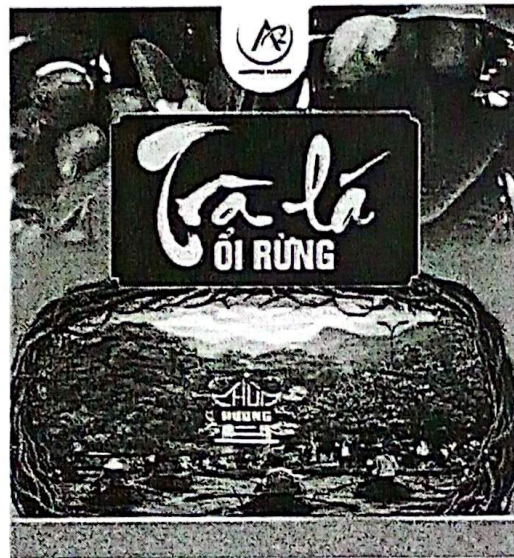
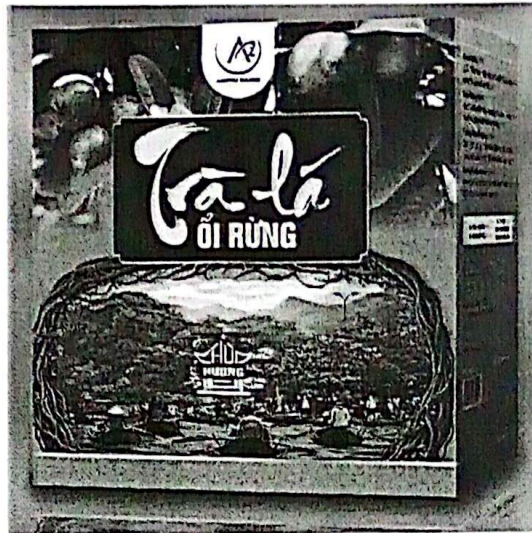
**I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm**

1. Tên tổ chức, cá nhân: HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO AN PHÚ HÀ NỘI.
2. Địa chỉ: Tổ 17, Thôn Phú Yên, Xã Hương Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3. Điện thoại: 0879200000.
4. E-mail: htxanphuhanoi@gmail.com
5. Mã số doanh nghiệp: 0111271090
6. Số Giấy chứng nhận HACCP: VCB0549.4C1, Ngày cấp: 24/01/2026

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: TRÀ ÔI RỪNG
2. Thành phần: lá ôi 75%, lá chè xanh, hoa nhài, cam thảo .
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng từ ngày sản xuất
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
  - Chất liệu bao bì: được đóng bằng túi lọc, đựng trong hộp giấy đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế
  - Quy cách đóng gói:
    - + 7 túi trà/hộp; 10 túi trà/hộp; 15 túi trà/hộp; 20 túi trà/hộp; 25 túi trà/hộp; 30 túi trà/hộp.
    - + 7 túi trà/túi; 10 túi trà/túi giấy; 15 túi trà/túi giấy; 20 túi trà/túi giấy; 25 túi trà/túi giấy; 30 túi trà/túi giấy.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:**



## TRÀ ỒI RỪNG

**Thành phần:** lá ổi 75%, lá chè xanh, hoa nhài, cam thảo .

**Theo Đông Y:**

- Lá ổi có tính kháng khuẩn, tiêu viêm, hỗ trợ tiêu hoá, giúp cơ thể nhẹ nhàng.

**Hướng dẫn sử dụng:** Cho 1 gói trà vào cốc hoặc ấm trà, đổ 200ml nước sôi, ủ trà trong 3-5 phút rồi sử dụng.

**Thông tin cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm hết hạn hoặc bao bì không còn nguyên vẹn.

**Đơn vị công bố và sản xuất:**

**HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO AN PHÚ HÀ NỘI**

**Địa chỉ:** Tổ 17, Thôn Phú Yên, Xã Hương Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**NSX-HSD:** in trên bao bì

**Khối lượng tịnh:** 3g/gói x hộp 20 gói.

#### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-3: 2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: Tiêu chuẩn cơ sở số TCCS 03:2026/ANPHU cho sản phẩm TRÀ ÔI RỪNG.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

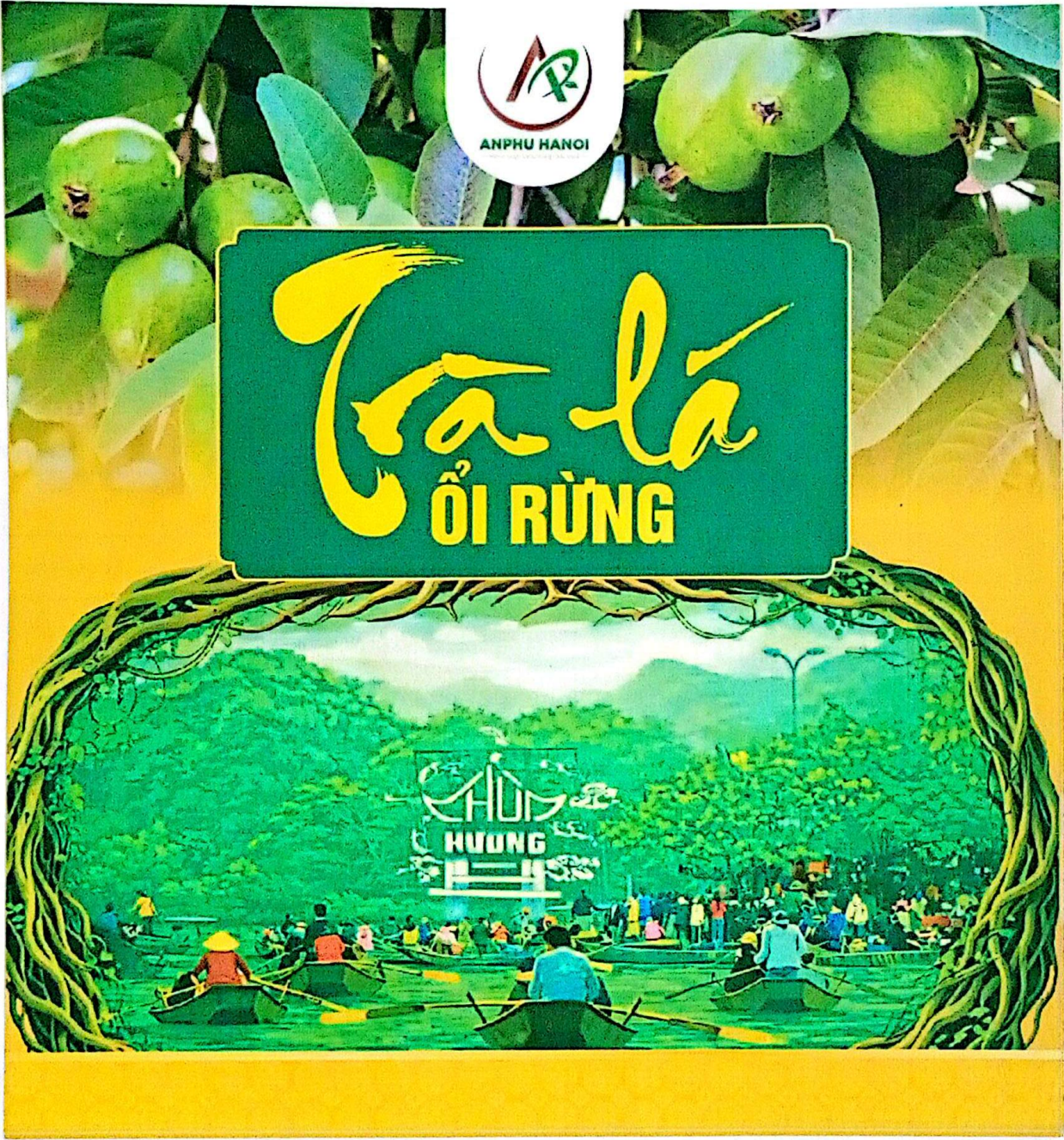
Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2026  
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



CHỦ TỊCH HĐQT  
KIỂM GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Anh Thu*

Mẫu nhãn sản phẩm





Mã số/ Code: DV151711393/02



# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

## I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ Customer's Name : HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO AN PHÚ HÀ NỘI
2. Địa chỉ/ Address : Tổ 17, Thôn Phú Yên, Xã Hương Sơn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
3. Tên mẫu thử/ Name of Sample : TRÀ ỔI RỪNG
4. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu đựng trong túi kín. Khối lượng: 150g/túi. Số lượng: 01 túi.
5. Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 23/04/2026
6. Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Không có mẫu lưu
7. Ngày thử nghiệm/ Date of test : 23/04/2026-08/05/2026
8. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 08/05/2026

## II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Năng lượng	Kcal/100g	338,25	VNT.H.03.Fo.277
2	Carbohydrate (không bao gồm xơ)	g/100g	65,72	VNT.H.03.Fo.187
3	Béo tổng	g/100g	3,21	VNT.H.03.Fo.09
4	Protein	g/100g	11,62	TCVN 10034:2013
5	Natri (Na)	mg/100g	13,28	TCVN 10916:2015
6	Cadimi (Cd) *	mg/Kg	0,04	TCVN 10912:2015
7	Chì (Pb) *	mg/Kg	0,5	TCVN 10912:2015
8	Arsen (As) *	mg/Kg	< LOQ = 0,15	TCVN 10912:2015
9	Thủy ngân (Hg) *	mg/Kg	0,04	TCVN 10912:2015
10	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	2,9x10 <sup>2</sup>	TCVN 4884-1:2015

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTST/ This report will not be reproduced or republished without VNTST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận VIMCERTS đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV151711393/02

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
11	Tổng số nấm men *	CFU/g	< 10	TCVN 8275-2:2010
12	Tổng số nấm mốc *	CFU/g	< 10	TCVN 8275-2:2010
13	Coliforms *	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007
14	Salmonella spp. *	/25g	KPH (eLOD50 = 4,0 CFU/25g)	TCVN 10780-1:2017

**Ghi chú/ Note:**

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp

**PHÒNG KIỂM NGHIỆM**  
 QC Manager

**TRẦN KHÁNH CHI**

**VIỆN TRƯỞNG**  
 DIRECTOR  
  
**TRẦN TRỊNH CÔNG SƠN**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.

# GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn của:

## HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO AN PHÚ HÀ NỘI

Địa chỉ trụ sở: Tổ 17, thôn Phú Yên, xã Hương Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Địa chỉ sản xuất: Xóm 1, thôn Phù Yên, xã Ứng Thiên, Thành phố Hà Nội Việt Nam

Được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của Tiêu chuẩn:

### HACCP/TCVN 5603:2023

Phạm vi chứng nhận:

- Sản xuất, kinh doanh trà thảo mộc (dạng túi lọc, dạng thô, dạng hòa tan)
- Sản xuất, kinh doanh cao thảo mộc, bột thảo mộc, bột ngũ cốc, bột củ quả, bột nấm

Số chứng nhận: **VCB0549.4C1**  
Ngày cấp: **24/01/2026**  
Hiệu lực giấy chứng nhận: **Từ ngày 24/01/2026 đến ngày 23/01/2029**  
Chi tiết tại Quyết định số: **0549/26/QĐCN-VINACAB**  
Và được phép sử dụng dấu chứng nhận theo quy định của VinaCAB.



VCB0549.4C1



HACCP



Nguyễn Thị Hào, Tổng Giám đốc



Hiệu lực giấy chứng nhận có thể xác thực bằng mã QR.  
Thông tin và Liên hệ: Công ty Cổ phần Chứng nhận VinaCAB  
Số 11, Dịch vụ 1, Khu đô thị Xa La, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: +84 2463 274 284 Website: [www.vinacab.com.vn](http://www.vinacab.com.vn)

VINACAB CERTIFICATION VINACAB CERTIFICATION VINACAB CERTIFICATION VINACAB CERTIFICATION VINACAB CERTIFICATION

# CERTIFICATE

Certify the hazard analysis and critical control point system of:

## AN PHU HA NOI HIGH TECH AGRICULTURAL COOPERATIVE

Head Office: Group 17, Phu Yen Hamlet, Huong Son Commune,  
Ha Noi City, Vietnam  
Factory: Hamlet 1, Phu Yen Hamlet, Ung Thien Commune,  
Ha Noi City, Vietnam

Has been assessed and found to conform with the requirements of The standard:

### HACCP/TCVN 5603:2023

Scope of Certification:

- Manufacturing, trading of herbal tea (tea bags, loose form, instant form).
- Manufacturing, trading of herbal extracts, herbal powders, cereal powders, vegetable tuber powders, mushroom powders.

Certificate No. **VCB0549.AC1**  
 Issue date: **January 24<sup>th</sup>, 2026**  
 Certificate validity: **From January 24<sup>th</sup>, 2026 to January 23<sup>th</sup>, 2029**  
 Details in Decision No: **0549/26/QĐCN-VINACAB**

And is allowed to use the certification mark in accordance with VinaCAB regulations.



VCB0549.AC1



HACCP



*Nguyen Thi Hao, General Director*



A certificate can be authenticated via QR code.  
 Information an Contact: VinaCAB Certification Joint Stock Company  
 No. 11, Service Area 1, Xa La Urban, Ha Dong Ward, Hanoi City, Vietnam  
 Tel: +84 2463 274 284  
 Website: [www.vinacab.com.vn](http://www.vinacab.com.vn)

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

Mã số hợp tác xã: 0111271090

Đăng ký lần đầu, ngày 3 tháng 11 năm 2025

**1. Tên hợp tác xã:**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt: **HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO AN PHÚ HÀ NỘI**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài: AN PHU HA NOI HIGH-TECH AGRICULTURAL COOPERATIVE

Tên hợp tác xã viết tắt: HTX NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO AN PHÚ HÀ NỘI

**2. Địa chỉ trụ sở chính:** Tổ 17, Thôn Phú Yên, Xã Hương Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0879200000 Fax:

Email: Website:

**3. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng)

**4. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã:**

Họ và tên NGUYỄN ANH THU Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 11/12/1966 Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 001166010944

Địa chỉ liên lạc:



TRƯỞNG PHÒNG



TRƯỞNG PHÒNG

*Trần Mạnh Lương*



CÔNG CHỨNG VIÊN  
*Phạm Thị Thu Nga*